

Số: 63 /2013/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ
giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ
nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
về vận tải đường bộ**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ...C..... Ngày: 15/1/2014

Căn cứ Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ ký ngày 17 tháng 01 năm 2013 tại Champasak, Lào;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số Điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ để tổ chức và quản lý hoạt động vận tải đường bộ giữa các nước Campuchia, Lào và Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải người và hàng hóa bằng đường bộ qua lại biên giới giữa các nước Campuchia, Lào và Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ:

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phương tiện cơ giới thương mại (sau đây gọi tắt là xe thương mại): là xe ô tô dùng để kinh doanh vận tải hàng hóa, vận tải hành khách, bao gồm xe ô tô, xe ô tô đầu kéo, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo ô tô và xe máy chuyên dùng lưu thông trên đường bộ có giấy đăng ký phương tiện và biển số do cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp.

2. Phương tiện cơ giới phi thương mại (sau đây gọi tắt là xe phi thương mại): là xe ô tô của tổ chức, cá nhân có giấy đăng ký phương tiện và biển số do cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp hoạt động qua lại biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam không vì mục đích kinh doanh vận tải, cụ thể bao gồm:

a) Xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã trong nước và quốc tế đi công tác, tham quan, du lịch;

b) Xe ô tô chở người dưới 09 (chín) chỗ và xe bán tải (pick-up) đi với mục đích cá nhân;

c) Xe cứu hỏa, xe cứu thương, xe cứu hộ, xe thực hiện sứ mệnh nhân đạo;

d) Xe ô tô, xe ô tô đầu kéo, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô và xe máy chuyên dùng thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã vận chuyển phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của đơn vị mình trên lãnh thổ Campuchia, Lào.

3. Vận tải quá cảnh: là hoạt động vận chuyển người và hàng hóa qua lãnh thổ của một Bên ký kết, điểm bắt đầu và kết thúc hành trình nằm ngoài lãnh thổ Bên ký kết đó.

4. Vận tải liên quốc gia: là hoạt động vận chuyển người và hàng hóa qua lãnh thổ của ít nhất hai Bên ký kết, điểm bắt đầu và kết thúc hành trình không nằm trên lãnh thổ của một Bên ký kết.

5. Đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô: là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định.

Chương II

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN

Điều 4. Thời gian và phạm vi hoạt động của phương tiện

1. Mỗi chuyến đi, phương tiện được phép ở lại lãnh thổ của một Bên ký kết không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhập cảnh. Trường hợp quá thời hạn quy định, mà có lý do hợp lý sẽ được gia hạn 01 (một) lần với thời gian tối đa không quá 10 (mười) ngày.

2. Phạm vi hoạt động:

a) Phương tiện vận tải liên quốc gia được phép qua lại biên giới theo các cặp cửa khẩu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này;

b) Phương tiện vận tải quá cảnh được phép vận chuyển theo các cặp cửa khẩu và tuyến quá cảnh quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

3. Phương tiện không được phép vận chuyển hàng hóa hoặc hành khách giữa hai điểm trong lãnh thổ của một Bên ký kết.

Điều 5. Quy định đối với phương tiện

Phương tiện khi qua lại biên giới phải có các giấy tờ có giá trị sử dụng quy định tại Phụ lục III của Thông tư này và phải xuất trình cho các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

Trường hợp các giấy tờ nêu trên không in song ngữ gồm tiếng Việt và tiếng Anh thì phải kèm theo bản dịch tiếng Anh do cơ quan phát hành loại giấy tờ đó cấp hoặc do cơ quan công chứng hợp pháp xác nhận.

Điều 6. Ký hiệu phân biệt quốc gia của phương tiện

Ký hiệu phân biệt quốc gia của Campuchia là KH; Ký hiệu phân biệt quốc gia của Lào là LAO; Ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam là VN. Ký hiệu phân biệt quốc gia do cơ quan cấp phép phát hành cùng với việc cấp giấy phép vận tải. Phương tiện của Việt Nam phải gắn ký hiệu phân biệt quốc gia ở góc phía trên bên phải của kính trước (nhìn từ trong xe) và ở vị trí dễ thấy phía sau xe.

Mẫu Ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này.

Chương III GIẤY PHÉP VẬN TẢI QUA BIÊN GIỚI CAMPUCHIA - LÀO - VIỆT NAM

Điều 7. Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam

1. Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam (sau đây gọi tắt là Giấy phép liên vận CLV) cấp cho xe thương mại có giá trị 01 (một) năm được đi lại nhiều lần. Phương tiện phải thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

2. Giấy phép liên vận CLV cấp cho xe phi thương mại có thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày cấp.

Riêng đối với xe công vụ hoặc xe của các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam, xe của các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động vận tải để phục vụ cho các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của chính doanh nghiệp, hợp tác xã đó trên lãnh thổ Lào, Campuchia được cấp Giấy phép theo thời gian, mục đích chuyến đi nhưng không vượt quá 01 (một) năm.

3. Mẫu Giấy phép liên vận CLV quy định tại Phụ lục V của Thông tư này.

Điều 8. Hồ sơ cấp Giấy phép liên vận CLV

1. Đối với xe thương mại:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này;

b) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

c) Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

d) Văn bản chấp thuận khai thác tuyến (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định);

đ) Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì phải xuất trình thêm tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của đơn vị kinh doanh vận tải với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

2. Đối với xe phi thương mại:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này;

b) Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

c) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

Điều 9. Trình tự cấp Giấy phép liên vận CLV

1. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ cho cơ quan cấp Giấy phép. Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi;

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp Giấy phép; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại cơ quan cấp phép hoặc qua hệ thống bưu chính.

2. Lệ phí cấp Giấy phép theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 10. Cơ quan cấp Giấy phép liên vận CLV

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp Giấy phép cho các loại phương tiện như sau:

a) Xe thương mại thuộc các đối tượng: xe vận tải hành khách hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch, xe vận tải hàng hóa;

b) Xe phi thương mại thuộc các đối tượng: xe ô tô thuộc các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, xe của các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội.

2. Sở Giao thông vận tải địa phương cấp Giấy phép cho xe vận tải hành khách tuyến cố định, xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương, trừ đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia theo Phụ lục I và Phụ lục II của Thông tư này, ngoài việc cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều này còn được cấp Giấy phép cho xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương mình.

Điều 11. Thu hồi và cấp lại Giấy phép liên vận CLV

1. Cơ quan cấp Giấy phép được thu hồi Giấy phép đã cấp nếu phương tiện không thực hiện đúng các nội dung ghi trong Giấy phép hoặc phương tiện không hoạt động trong vòng 03 (ba) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép.

2. Hết thời hạn của Giấy phép hoặc Giấy phép bị hư hỏng hoặc bị mất Giấy phép, tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Thông tư này. Giấy phép cũ hoặc Giấy phép hư hỏng nộp về cơ quan cấp Giấy phép; trường hợp mất Giấy phép phải có công văn báo cáo và cam kết về việc mất Giấy phép.

Điều 12. Gia hạn Giấy phép liên vận CLV và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia

1. Đối tượng được gia hạn: Phương tiện của Lào, Campuchia gặp trường hợp bất khả kháng (thiên tai, tai nạn giao thông, hỏng phương tiện không thể sửa chữa tại Việt Nam) được gia hạn 01 (một) lần với thời hạn không quá 10 (mười) ngày, kể từ ngày hết hạn.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn bao gồm: